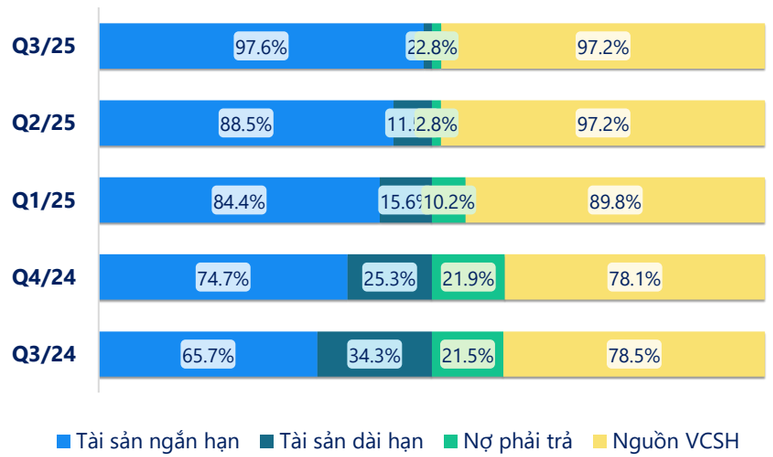
FireAnt

CTCP Đầu tư QP Xanh (HNX: HKT)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	13,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,400
SL cổ phiếu LH	33,335,029
KLGD BQ 20 phiên (CP)	755
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	457
P/E	-2785.1
EPS	-5

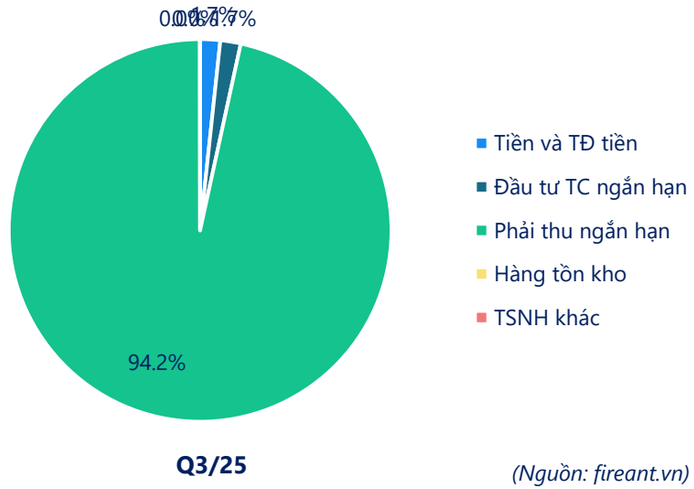
	YTD	1T	3T	6T
HKT	53.9%	15.1%	30.5%	73.4%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



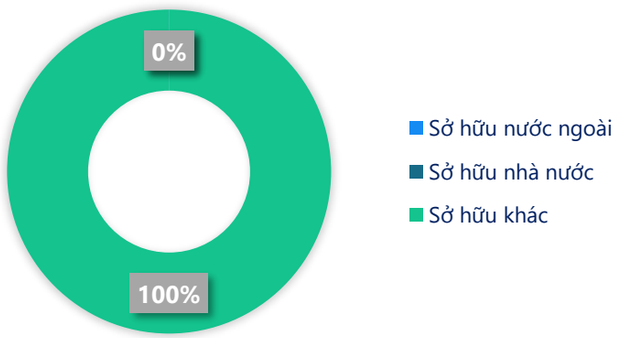
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



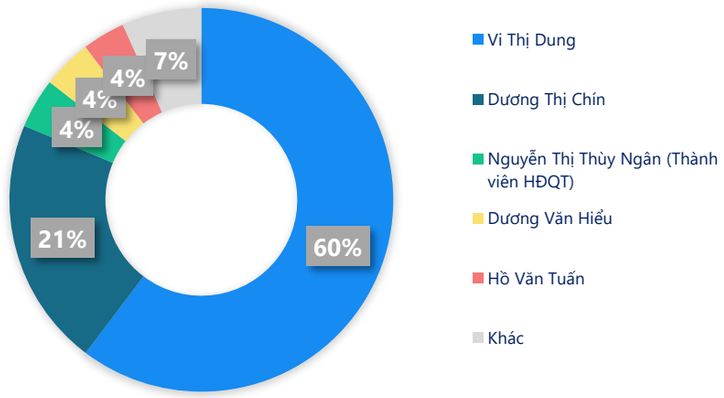
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



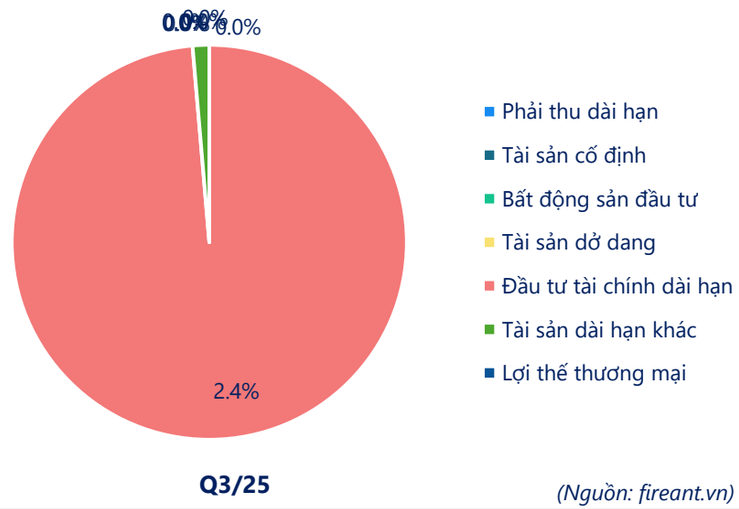
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

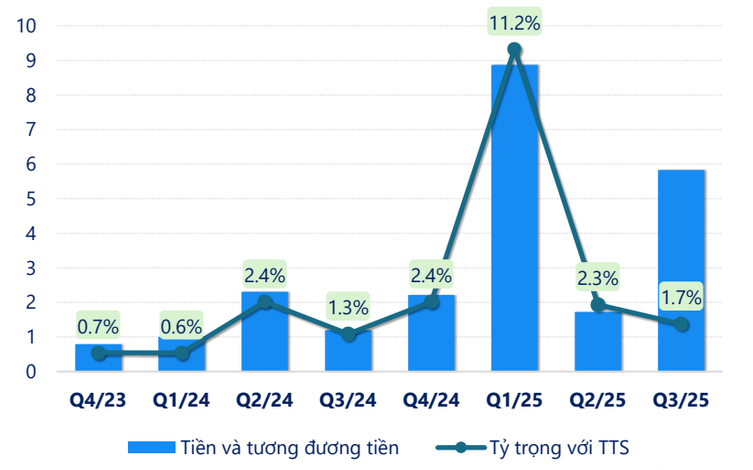


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

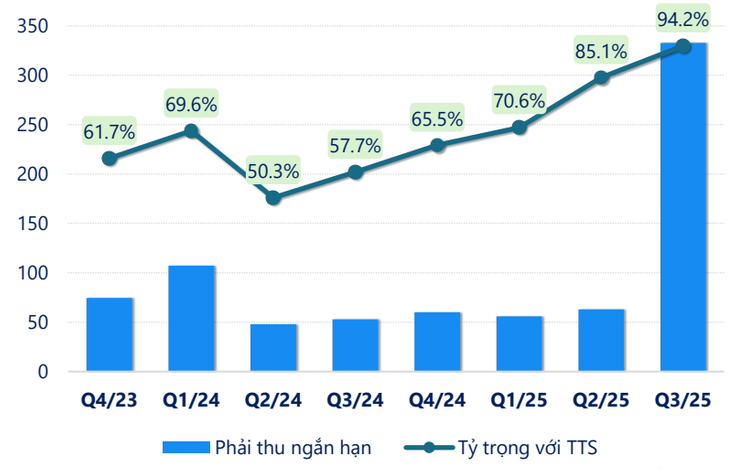
CTCP Đầu tư QP Xanh (HNX: HKT)

Tiền và tương đương tiền



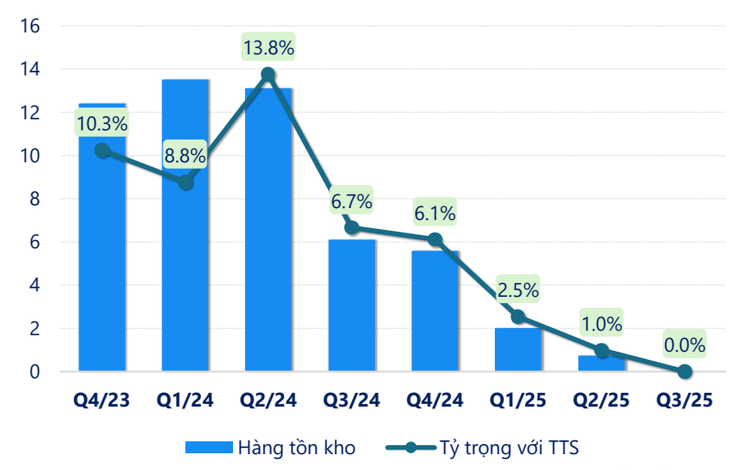
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



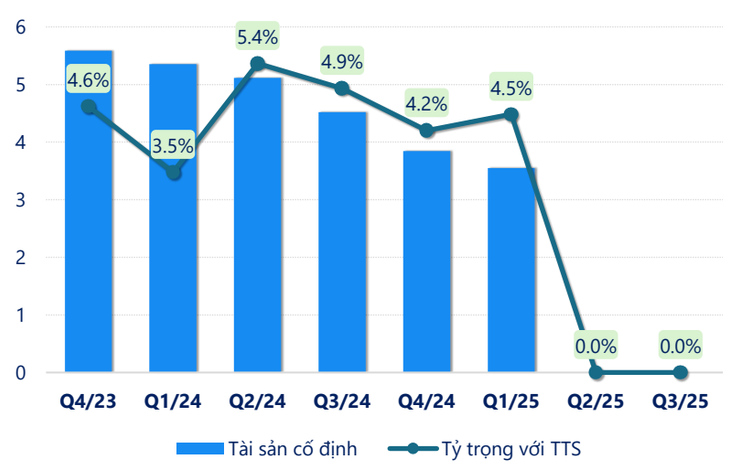
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



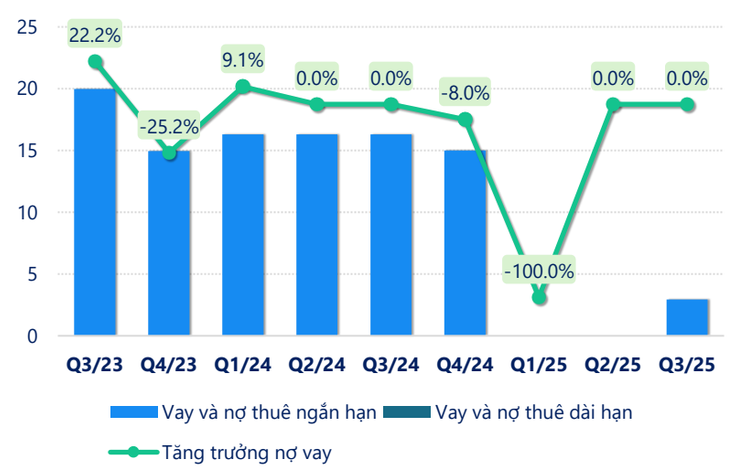
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



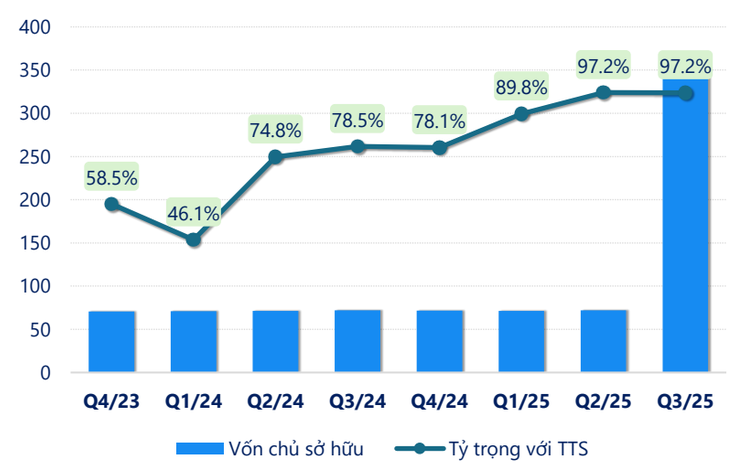
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

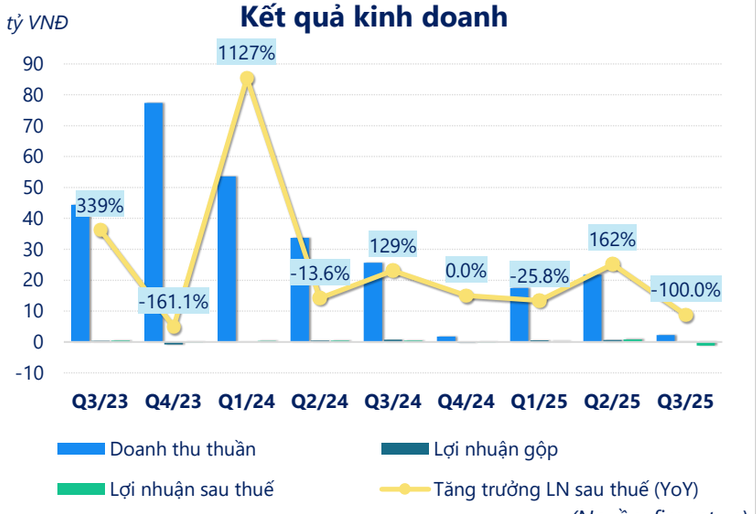
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

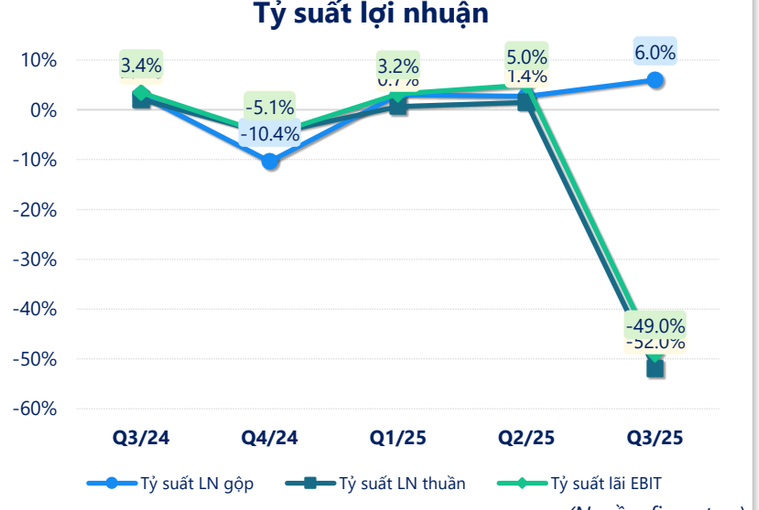
CTCP Đầu tư QP Xanh (HNX: HKT)

Kết quả kinh doanh



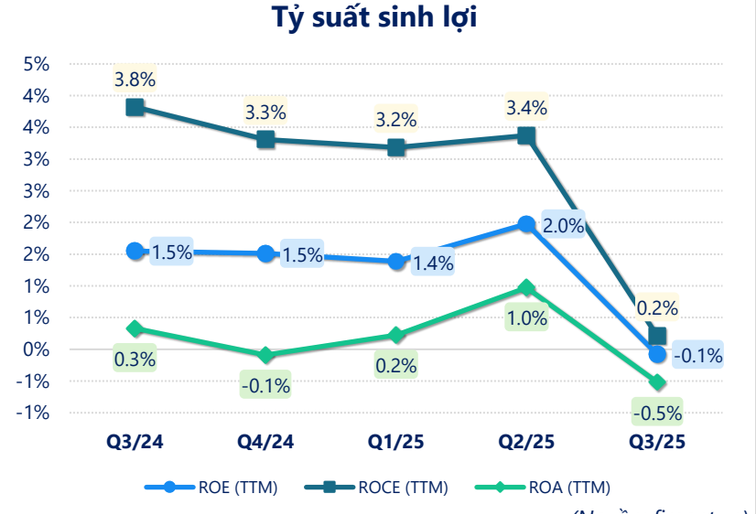
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



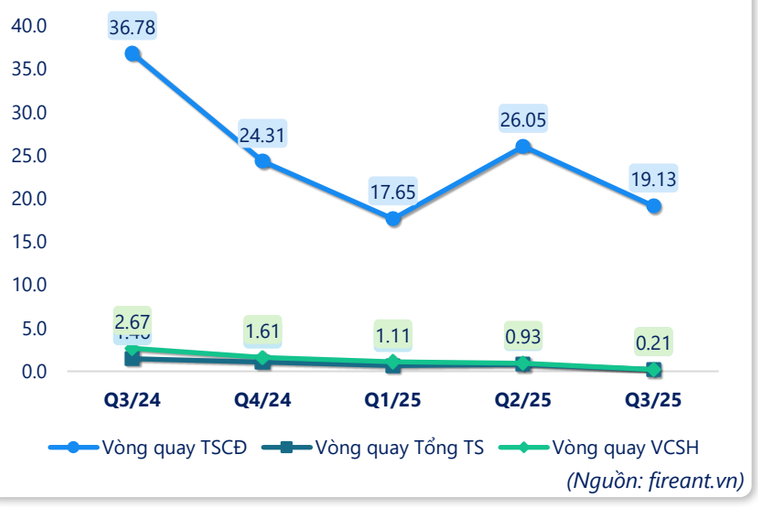
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



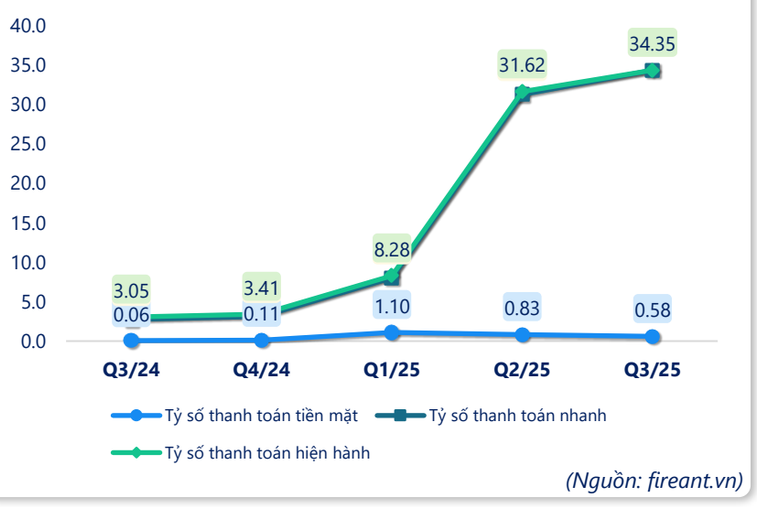
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



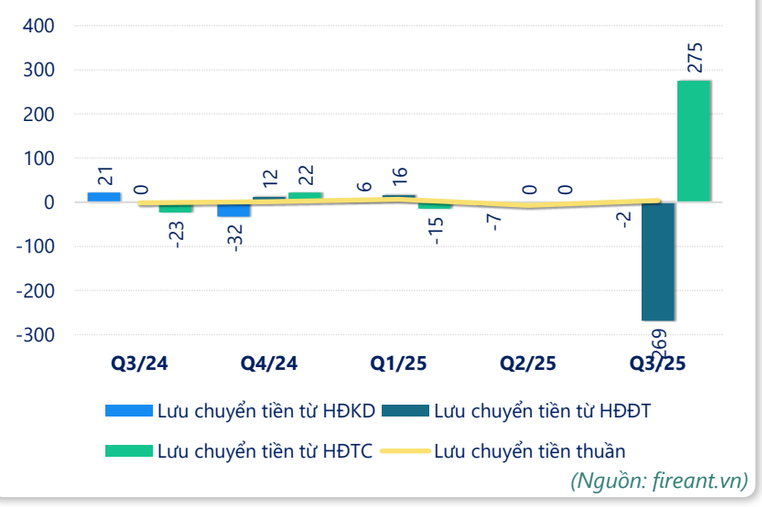
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư QP Xanh (HNX: HKT)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**353**	**90.0**	**292%**
Tài sản ngắn hạn	344	66.4	419%
Tiền và tương đương tiền	5.83	2.21	163%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.94	0	
Phải thu ngắn hạn	333	58.6	468%
Hàng tồn kho	0	5.60	-100%
Tài sản ngắn hạn khác	0.04	0.01	409%
Tài sản dài hạn	**8.51**	**23.6**	**-64.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0	3.84	-100%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	8.39	19.3	-56.5%
Tài sản dài hạn khác	**0.12**	**0.45**	**-74.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	10.0	19.1	-47.6%
Nợ ngắn hạn	**10.0**	**19.1**	**-47.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2.94	15.0	-80.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.68	1.75	-61.3%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**343**	**70.9**	**384%**
Vốn chủ sở hữu	**343**	**70.9**	**384%**
Vốn điều lệ	333	61.4	443%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	25.7	1.76	17.5	21.8	2.27
Giá vốn hàng bán	24.9	1.94	16.9	21.2	2.14
Lợi nhuận gộp	0.74	-0.18	0.52	0.58	0.14
Doanh thu HĐTC	0.43	0.88	0.00	0.00	0.05
Chi phí TC	0.33	0.74	0.23	0	0.04
Chi phí lãi vay	0.33	0.04	0.23	0	0.04
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0.06	0.01
Chi phí QLDN	0.30	0.04	0.18	0.21	1.31
LN thuần từ HĐKD	0.53	-0.09	0.12	0.32	-1.18
Lợi nhuận khác	0.00	-0.04	0.21	0.77	0.03
LN trước thuế	0.54	-0.13	0.33	1.09	-1.15
Lợi nhuận sau thuế	0.43	-0.10	0.26	0.82	-1.15
LNST của CĐ cty mẹ	0.43	-0.10	0.26	0.82	-1.15

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	21.5	-32.3	6.04	-7.15	-2.22
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.43	11.6	15.6	0.00	-269
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-23.0	21.7	-15.0	0	275
Tiền đầu kỳ	2.31	1.19	2.21	8.87	1.72
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.11**	**1.02**	**6.65**	**-7.15**	**4.11**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.19	2.21	8.87	1.72	5.83

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic